

Bản án số: 126/2023/HS-ST

Ngày 26-9-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng An Thanh.

*Thẩm phán:* Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Bà Đoàn Kim Bình.

Bà Lê Thị Mỹ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hữu Minh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 26 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. VQD sinh ngày 04 tháng 9 năm 1982 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Số 75, J, phường W, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông VQT và bà LTNH; có vợ là bà PTTT1; có 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2019); tiền án: ngày 30 tháng 9 năm 2015 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) W1, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: không; nhân thân: ngày 15 tháng 6 năm 2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Z1, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị bắt, tạm giam từ ngày 26 tháng 4 năm 2023 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. NXH1 sinh ngày 04 tháng 8 năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 43, đường A4, W2, quận Z2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVT2 và bà ĐTN; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 27 tháng 9 năm 2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo VQD*: Ông NVH là Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn LTV1 – Chi nhánh Bình Dương thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13 tháng 9 năm 2023 và có bài bào chữa cho bị cáo).

- *Người bào chữa cho bị cáo NXH1*: Ông TVS là Luật sư Công ty Luật Hợp danh NVL - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Bị hại*:

1. Ông NPL1 sinh năm 1973; nơi thường trú: ấp J3, xã W3, huyện Z3, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: khu phố J4, phường W4, thành phố Z4, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Ông NĐB sinh năm 1996; nơi thường trú: 12B khu ABC, Khu phố DEF, phường GHI, thị xã KLM, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: phường OPQ, thành phố RST, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông ĐTC sinh năm 1975; nơi thường trú: Tổ 11, đường LN, quận HM, Thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: số 55/2A, khu phố C1, phường TĐH, thành phố W1, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Ông NVH2 sinh năm 1996; nơi cư trú: xã W5, huyện Z5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2021, bị cáo VQD quen bị cáo NXH1. Bị cáo D rủ bị cáo H1 dùng các giấy tờ giả để bị cáo H1 đứng tên thuê xe ô tô tự lái sau đó chiếm đoạt rồi tìm chỗ tiêu thụ để lấy tiền thì bị cáo H1 đồng ý. Các bị cáo D và H1 đã thực hiện 02 lần như sau:

### ***Thuê xe của ông NPL1:***

Khoảng tháng 4 năm 2021, bị cáo D dùng điện thoại di động đăng ký tài khoản trên ứng dụng cho thuê xe ô tô trực tuyến Mito để thuê xe tự lái. Giữa tháng 4 năm 2021, bị cáo D liên hệ được ông NPL1 để thuê xe ô tô (hiệu Kia K3, màu ghi bạc, biển số ABC1).

Khoảng thời gian này, bị cáo D sử dụng điện thoại di động (hiệu OPPO Reno4 màu trắng) của mình để chụp ảnh chân dung của Hà tại phòng trọ của D, đăng nhập tài khoản Zalo (hiện không nhớ tên tài khoản) gửi cho đối tượng tên là Toàn (chưa rõ năm sinh, địa chỉ) hình ảnh của bị cáo H1 và 01 (một) hợp

đồng lao động trong đó có hình dấu của Công ty Đại Minh Quang và thuê đối tượng Toàn làm giả các giấy tờ và con dấu với giá 2.000.000 (hai triệu) đồng. Khoảng 02 (hai) ngày sau, đối tượng Toàn giao cho bị cáo D các tài liệu, con dấu giả tại khu vực phường TĐH, thành phố W1, tỉnh Bình Dương (gồm giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Trung Hiếu, Chứng minh nhân số 312183466 mang tên Nguyễn Trung Hiếu (quê ở tỉnh Tiền Giang, dán hình bị cáo H1), sổ hộ khẩu có thông tin của Nguyễn Trung Hiếu và một con dấu có nội dung "\*M.S.D.N: 0303265968 – C.T.T.N.H.H\* THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI MINH QUANG\*").

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, bị cáo D hẹn gặp bị cáo H1 tại nhà của ông ĐTC, cùng thuê xe đến nơi ở của ông L1 tại phường W4, thị xã (nay là thành phố) Z4, tỉnh Bình Dương. Trên đường đi, bị cáo D giao các giấy tờ đã đặt làm giả cho bị cáo H1, nói bị cáo H1 đến gặp ông L1 thì xưng tên là Nguyễn Trung Hiếu - nhân viên Công ty Đại Minh Quang và giới thiệu D là tài xế của Công ty, chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng bị cáo H1 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để bị cáo H1 đặt cọc cho ông L1. Bị cáo H1 gặp ông L1, cho ông L1 xem chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe tên Nguyễn Trung Hiếu, cùng ông L1 ký hợp đồng thuê xe trong vòng một ngày với giá 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, chuyển khoản cho ông L1 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng đặt cọc rồi nhận xe ô tô biển số ABC1 giao cho bị cáo D điều khiển chở bị cáo H1 rời khỏi nhà ông L1. Ngày 29 tháng 4 năm 2021, các bị cáo D và H1 đến trả xe, thanh toán tiền thuê xe cho ông L1 để tạo lòng tin nhận lại tiền đặt cọc.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, bị cáo D tiếp tục thỏa thuận thuê xe trong vòng 01 tháng thì ông L1 đồng ý. Bị cáo D thuê xe nhờ ông C điều khiển chở bị cáo H1 đến gặp ông L1 để ký hợp đồng thuê xe ô tô biển số ABC1 (không nói cho ông C biết ý định chiếm đoạt xe) do bị cáo H1 không biết điều khiển xe ô tô. Bị cáo D đưa cho bị cáo H1 chứng minh nhân dân giả mang tên Nguyễn Trung Hiếu, sổ hộ khẩu giả có tên Nguyễn Trung Hiếu và một con dấu giả mang tên Công ty Đại Minh Quang, 6.000.000 (sáu triệu) đồng và chuyển khoản cho bị cáo H1 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Đến nhà ông L1, bị cáo H1 sử dụng các tài liệu giả tên Nguyễn Trung Hiếu để ký hợp đồng thuê xe số 01/HĐ-CTT/2021 với ông L1 rồi sử dụng con dấu giả đóng dấu vào hợp đồng, chuyển khoản và giao tiền mặt cho ông L1 tổng cộng 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng (gồm đặt cọc 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, tiền thuê xe tháng đầu tiên là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng). Ông L1 giao xe ô tô biển số ABC1 cho bị cáo H1 thì ông C điều khiển xe chở bị cáo H1 về nhà ông C.

Có xe ô tô của ông L1, bị cáo D chở bị cáo H1 đi Thành phố Hồ Chí Minh tìm chỗ cầm cố xe nhưng không được. Bị cáo D chở bị cáo H1 về nhà của ông C rồi D điều khiển xe đi về hướng cầu vượt Sóng Thần, gọi điện thoại cho đối tượng Vũ Văn Đoàn (sinh năm 1982; đăng ký thường trú tại tổ 2A, phường Hải Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng), nói là bị cáo D có xe ô tô muốn thế chấp thì đối tượng Đoàn hẹn bị cáo D đến gầm cầu vượt Sóng Thần. Khi bị cáo D đến điểm hẹn thì đối tượng Đoàn nhờ đối tượng Nguyễn Trần

Quốc Cường (sinh năm 1999, đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố Hòa Dò 5A, phường Cam Phúc Bắc, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa) đến xem xe. Sau khi xem xe, ông Cường đồng ý cầm xe với giá 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, chuyển tiền qua tài khoản bị cáo D, nhận xe rồi điều khiển đi nơi khác. Bị cáo D chuyển khoản cho bị cáo H1 3.000.000 (ba triệu) đồng, cho bị cáo H1 thêm 1.000.000 (một triệu) đồng và trả tiền sửa điện thoại di động cho bị cáo H1 1.000.000 (một triệu) đồng. Số tiền còn lại bị cáo D tiêu xài cá nhân. Các tài liệu, con dấu giả, bị cáo H1 giao lại bị cáo D thì bị cáo D vứt bỏ.

Ông L1 nghi ngờ nên đã liên lạc với bị cáo H1. Do lúc này bị cáo H1 mâu thuẫn với bị cáo D về việc chia tiền cầm cố xe không đồng đều nên bị cáo H1 nói cho ông L1 biết việc bị cáo D nhờ bị cáo H1 giả danh người tên Nguyễn Trung Hiếu để thuê xe, đưa ông L1 đến Chung cư DEF1 (thuộc thành phố W1, tỉnh Bình Dương) tìm bị cáo D. Khi bị cáo H1 và ông L1 gặp bị cáo D thì bị cáo D thừa nhận sau khi thuê được xe đã cầm cho đối tượng Cường, hứa sẽ tìm cách chuộc xe trả ông L1. Ông L1 viết Hợp đồng thuê xe đề ngày 04 tháng 5 năm 2021 có nội dung ông L1 cho bị cáo D thuê xe, yêu cầu bị cáo D ký tên. Đến ngày 03 tháng 6 năm 2021, ông L1 đến gặp bị cáo D yêu cầu trả xe thì bị cáo D xin gia hạn thêm 07 ngày nên ông L1 viết Phụ lục hợp đồng số 01 có nội dung ông L1 đồng ý cho bị cáo D gia hạn thêm 07 ngày thuê xe rồi yêu cầu bị cáo D ký tên. Sau đó, bị cáo D bỏ trốn.

#### ***Thuê xe của ông NĐB:***

Đầu tháng 05 năm 2021, bị cáo D sử dụng ảnh của bị cáo H1 thuê đối tượng Toàn làm giả 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) giấy phép lái xe, 01 (một) sổ hộ khẩu. Khoảng 02 (hai) ngày sau, đối tượng Toàn giao cho bị cáo D căn cước công dân số 079091002020 mang tên Tống Ngọc Huy Hoàng, giấy phép lái xe số 790217264355, sổ hộ khẩu số 76 chủ hộ là Lê Kim Hoàng thì bị cáo D ghi thông tin của Tống Ngọc Huy Hoàng vào trang số 8 của sổ hộ khẩu và đưa đối tượng Toàn 1.000.000 (một triệu) đồng chi phí làm giấy tờ giả.

Bị cáo D sử dụng tài khoản ứng dụng Mito để liên lạc với ông NĐB. Ngày 23 tháng 5 năm 2021, bị cáo D gọi điện thoại thỏa thuận thuê xe ô tô (hiệu Kia Seltos, biển số GHI1) của ông B từ ngày 24 đến ngày 27 tháng 5 năm 2021 với giá 800.000 đồng 01 ngày thì ông B đồng ý và hẹn hôm sau giao xe gần khu dân cư ABC (phường GHI, thị xã KLM, tỉnh Bình Dương). Khoảng 13 giờ 00 ngày 24 tháng 5 năm 2021, các bị cáo D và H1 thuê xe ô tô đến nơi nhận xe. Trên đường đi, bị cáo D đưa bị cáo H1 các giấy tờ giả gồm căn cước công dân, giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu và dặn bị cáo H1 đến gặp ông B để ký hợp đồng thuê xe thì giao những tài liệu này cho ông B để ông B tin tưởng. Khi đến nơi, bị cáo H1 cho ông B xem các tài liệu giả bị cáo D đưa thì ông B tin tưởng và ký hợp đồng cho thuê xe số 004 đề ngày 24 tháng 5 năm, 2021. Bị cáo D chuyển khoản đặt cọc cho ông B 16.500.000 (mười sáu triệu, năm trăm nghìn) đồng. Sau khi tiền cọc, ông B giao xe ô tô biển số GHI1 cho các bị cáo D và H1 và B giữ sổ hộ khẩu số 76 (tên chủ hộ là Lê Kim Hoàng).

Bị cáo D dùng xe ông B chở bị cáo H1 đến nhà của ông C nói bị cáo H1 ở

lại để bị cáo D tìm chỗ bán hoặc cầm xe, khi nào có tiền sẽ chia cho bị cáo H1 rồi liên hệ với đối tượng Đoàn về việc cầm xe. Đối tượng Đoàn hẹn bị cáo D đến đường Nguyễn Xiển (thuộc thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh) giao xe cho đối tượng Cường. Đối tượng Cường điều khiển xe chở bị cáo D đến khu vực chung cư Sen Hồng (thuộc khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thành phố W1, tỉnh Bình Dương). Trên đường đi, bị cáo D gọi điện thoại cho người quen bị cáo D và đối tượng Đoàn là ông NVH2 (sinh năm 1996, đăng ký thường trú tại xã W5, huyện Z5, Thành phố Hồ Chí Minh) đề nghị cầm xe ô tô. Ông H2 bận việc không đến kiểm tra xe được nên đã nhờ đối tượng Đoàn kiểm tra giúp. Sau khi kiểm tra xe ô tô biển số GHI1, đối tượng Đoàn chụp ảnh gửi qua ứng dụng Zalo cho ông H2 xem, gọi điện thoại báo ông H2 là xe còn mới nên có thể nhận cầm được thì ông H2 chuyển khoản cho bị cáo D 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, hẹn ngày hôm sau sẽ trực tiếp kiểm tra xe rồi mới thống nhất cầm bao nhiêu tiền. Ngày hôm sau, khi bị cáo D, đối tượng Đoàn và ông H2 gặp nhau thì bị cáo D cho ông H2 biết xe do bị cáo D thuê của người khác nên ông H2 không đồng ý cầm, coi 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đã chuyển cho bị cáo D như tiền cho bị cáo D vay.

Do ông H2 không nhận cầm xe nên các đối tượng Cường và Đoàn đã nhận cầm xe ô tô biển số GHI1 cho bị cáo D với giá là 68.000.000 (sáu mươi tám triệu) đồng, chuyển khoản nhiều lần vào các ngày 01 và 09 tháng 6 năm 2021 cho bị cáo D. Sau đó, bị cáo D chuyển vào tài khoản của bị cáo H1 13.000.000 (mười ba triệu) đồng, còn lại tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 31/KLTS-TTHS ngày 18 tháng 4 năm 2022, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thị xã (nay là thành phố) Z4, tỉnh Bình Dương xác định giá trị ô tô (hiệu Kia K3, biển số ABC1) tại thời điểm bị chiếm đoạt là 218.300.000 (hai trăm mười tám triệu, ba trăm nghìn) đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3387/KL-HĐĐGTS ngày 08 tháng 9 năm 2022, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Dương xác định giá trị xe ô tô (hiệu Kia Seltos, biển số GHI1) tại thời điểm bị chiếm đoạt là 671.667.000 (sáu trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Kết luận giám định số 340/KL-KTHS ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương và số 1797/KL-KTHS ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an thể hiện nội dung kết luận:

1. Hình dấu có nội dung "\*M.S.D.N: 0303265968 – C.T.T.N.H.H\* THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI MINH QUANG\*" trên hợp đồng thuê xe số 01/HĐ-CTT/2021 so với mẫu so sánh thu tại Công ty TNHH TMDV Đại Minh Quang không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Trung Hiếu trên hợp đồng thuê xe

số 01/HĐ-CTT/2021 so với mẫu chữ ký, chữ viết dùng làm mẫu so sánh thu của NXH1 là do cùng một người viết, ký ra.

Tại các kết luận giám định số 81/KL-KTHS ngày 02 tháng 3 năm 2022, số 127/KL-KTHS ngày 15 tháng 4 năm 2022, số 432/KL-KTHS(TL) ngày 13 tháng 10 năm 2022 và số 132/KL-KTHS(TL) ngày 20 tháng 4 năm 2023, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

1. Chữ viết từ tờ số 05 đến tờ số 08 trên 01 (một) “Sổ hộ khẩu”, họ và tên chủ hộ “Lê Kim Hoàng”, địa chỉ: C1, TĐH, W1, Bình Dương so với chữ viết thu được của VQD trên tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết “Tống Ngọc Huy Hoàng” và dấu vân tay có ở mục “Bên B - Khách thuê xe” có trên hợp đồng cho thuê số 004 đề ngày 24 tháng 5 năm 2021 so với chữ ký, chữ viết, dấu vân tay thu được của NXH1 là do cùng một người ký, viết và in ra.

3. Một dấu có nội dung “\*CÔNG AN P TĐH \* CÔNG AN TP W1 – BÌNH DƯƠNG” tại các trang số 04 đến trang số 08 của sổ hộ khẩu số 76 tên chủ hộ là Lê Kim Hoàng, địa chỉ số 113/5A, khu phố C1, phường TĐH, W1, Bình Dương so với hình một dấu thu tại Công an phường TĐH, thành phố W1, tỉnh Bình Dương không phải do cùng một con dấu đóng ra.

4. Chữ ký, chữ viết “VQD” dưới mục “Bên thuê xe (Bên B)” có trên “Hợp đồng thuê xe” đề ngày 04 tháng 5 năm 2021 và “Phụ lục hợp đồng số 01” đề ngày 03 tháng 6 năm 2021 so với mẫu chữ ký, chữ viết thu được của VQD là do cùng một người ký, viết ra.

Đối với 02 xe ô tô biển số ABC1 và GHI1, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương đã ban hành các quyết định truy tìm vật chứng số 12, 13 ngày 20 tháng 3 năm 2023 nhưng đến nay chưa tìm được.

Các tài liệu giả gồm chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Trung Hiếu, sổ hộ khẩu trong đó có thông tin của Nguyễn Trung Hiếu, căn cước công dân và giấy phép lái xe tên Tống Ngọc Huy Hoàng, con dấu giả có nội dung “\*M.S.D.N: 0303265968 – C.T.T.N.H.H\* THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI MINH QUANG\*” đã bị bị cáo D vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Bị cáo D đã bán điện thoại (hiệu OPPO Reno4, màu trắng bị cáo D dùng chụp ảnh của bị cáo H1, liên lạc với đối tượng Toàn đặt làm giả giấy tờ dùng vào việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản) vào tháng 6 năm 2021 với giá 6.000.000 (sáu triệu) đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Sổ hộ khẩu giả số 76 (chủ hộ là bà Lê Kim Hoàng, có thông tin của Tống Ngọc Huy Hoàng tại trang thứ 8) hiện được thống kê tại các bút lục số 605 đến 609 trong hồ sơ vụ án.

Các bị hại L1 và B yêu cầu các bị cáo D và H1 trả lại các xe ô tô biển số ABC1 và GHI1.

Tại Cáo trạng số 114/CT-VKSBD-P1 ngày 13 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định truy tố các bị cáo VQD và NXH1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo H1 và gia đình bị cáo H1 bổ sung những tài liệu sau: Huy chương kháng chiến hạng Nhất ngày 23 tháng 7 năm 1969 của Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thưởng ông ĐVN2 (bị cáo H1 khai là ông ngoại của bị cáo) vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng ông NVT2 được tặng ngày 03 tháng 02 năm 2019; Giấy khen ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Z2, Thành phố Hồ Chí Minh tặng anh NXH1 vì đã đạt thành tích xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, góp phần giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương; Giấy khen ngày 09 tháng 7 năm 2009 của Trung đoàn trưởng Trung đoàn T.TG26 – Quân khu 7 tặng Binh nhì NXH1 vì đã có thành tích tốt trong phong trào thi đua quyết thắng 6 tháng đầu năm 2009; Giấy khen ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Trung đoàn trưởng Trung đoàn T.TG26 – Quân khu 7 tặng Binh nhì NXH1 vì đã có thành tích tốt trong phong trào thi đua quyết thắng 6 tháng đầu năm 2010.

Tại phiên tòa bị hại L1 bổ sung yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền thuê xe 12 tháng (với giá 06 triệu đồng 01 tháng), tổng cộng là 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm như sau:

Các bị cáo D và H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, kết luận giám định, biên bản ghi lời khai của người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức, đưa ra thông tin sai sự thật làm cho các bị hại tin tưởng giao xe ô tô cho các bị cáo thuê, sau đó đem cầm cố lấy tiền tiêu xài, đến nay chưa làm việc được với người cầm cố xe và chưa thu hồi được xe của các bị hại; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo VQD 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, sau khi chấp hành án xong tiếp tục rủ bị cáo H1 thực hiện hành vi làm giả, sử dụng tài liệu giả để thuê xe ô tô đem cầm cố lấy tiền tiêu xài. Bị cáo H1 khi nghe bị cáo D rủ làm giả giấy tờ để trực tiếp gặp chủ xe thỏa thuận thuê xe thì đồng ý, sau khi thuê được xe, đã nhận tiền của bị cáo D do cầm cố xe, là đồng phạm với bị cáo D.

Bị cáo D có tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên, tái phạm quy định

tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H1 có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường một phần cho bị hại, có gia đình có công với cách mạng là các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

02 xe ô tô biển số ABC1 và GHI1, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương đã ban hành các quyết định truy tìm vật chứng số 12 và 13 ngày 20 tháng 3 năm 2023 nhưng đến nay chưa tìm được.

Các giấy tờ, tài liệu giả gồm chứng minh nhân dân mang và giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Trung Hiếu, sổ hộ khẩu trong đó có thông tin của Nguyễn Trung Hiếu, căn cước công dân và giấy phép lái xe tên Tống Ngọc Huy Hoàng, con dấu giả có nội dung "\*M.S.D.N: 0303265968 – C.T.T.N.H.H\* THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI MINH QUANG\*" sau khi thực hiện xong hành vi phạm tội, bị cáo D đã vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể tiến hành thu giữ.

Sổ hộ khẩu giả số 76 họ tên chủ hộ là bà Lê Kim Hoàng, có thông tin của Tống Ngọc Huy Hoàng tại trang thứ 8 trong sổ là các bút lục số 605 đến 609 trong hồ sơ vụ án.

Điện thoại OPPO Reno4, màu trắng do bị cáo D dùng để chụp hình ảnh của bị cáo H1, liên lạc với đối tượng Toàn để đặt làm giả các giấy tờ và dùng vào việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo D đã bán điện thoại này vào tháng 6 tháng 2021 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể tiến hành thu giữ.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo VQD và NXH1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo VQD từ 13 năm đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo VQD từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo VQD chấp hành chung 02 tội từ 16 năm 06 tháng đến 18 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NXH1 từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 3



Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo NXH1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng Điều 55, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo NXH1 chấp hành chung 02 tội từ 15 năm đến 16 năm 06 tháng tù.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo VQD và NXH1 liên đới bồi thường cho bị hại NPL1 giá trị xe ô tô hiệu Kia K3 biển số ABC1 là 218.300.000 đồng và bị hại NĐB giá trị xe ô tô hiệu Kia Seltos biển số GHI1 là 671.667.000 đồng.

Xử lý vật chứng: không.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 18.000.000 đồng của NXH1 để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo không tự bào chữa.

Người bào chữa cho bị cáo NXH1 phát biểu:

Người bào chữa không tranh luận về hành vi và tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo H1. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ tháng 04 đến tháng 5 năm 2021 là thời kỳ dịch COVID-19 diễn ra. Ban đầu Bị cáo H1 muốn tìm kiếm việc làm nhưng không có việc nên liên lạc với bị cáo D tìm việc. Do không tìm được việc, không có tiền để sinh hoạt nên khi bị bị cáo D rủ rê, bị cáo H1 đã cùng bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo H1 có vai trò giúp sức cho bị cáo D, hầu hết trong tất cả các hành vi của bị cáo đều do bị cáo D chỉ đạo và bị cáo H1 chỉ làm theo. Bị cáo H1 không thỏa thuận về số tiền ăn chia, thu lợi bất chính không nhiều (chỉ 18.000.000 đồng). Bị cáo H1 có vai trò thứ yếu trong vụ án nên Hội đồng xét xử cần phân hóa tội phạm trong khi quyết định hình phạt.

Khi ông L1 liên lạc, bị cáo H1 đã cùng ông L1 đi tìm bị cáo D để giúp tìm lại xe đã cho thuê. Điều này cho thấy bị cáo H1 đã nhận thức được hành vi của mình và mong muốn hợp tác với ông L1 tìm lại xe mình đã đứng ra thuê. Như vậy, ngay từ đầu bị cáo không có ý định thực hiện hành vi phạm tội, khi biết hành vi của bản thân gây hại cho người khác đã tìm mọi cách để khắc phục nhưng do chiếc xe đã bị đem đi cầm nên không tìm lại được. Việc không tìm lại được xe của bị hại là ngoài dự tính của bị cáo H1.

Bị cáo H1 có tình tiết giảm nhẹ tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả tại điểm b khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự vì sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã khắc phục 01 phần hậu quả do hành vi của mình gây ra là nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính (ngày 18 tháng 9 năm 2023, ông NVT2 là bố của bị cáo NXH1 nộp thay). Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự vì quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thể hiện sự ăn năn hối cải và luôn mong muốn sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo H1 có tình tiết giảm nhẹ

quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án vì đã tích cực cùng với bị hại L1 tìm bị cáo D với mong muốn trả xe cho người bị hại, giúp ông L1 ký các thỏa thuận đã giúp các cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng giải quyết vụ án. Bị cáo H1 có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự vì có ông ngoại được Nhà nước trao tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, có bố là người có Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, khi bị cáo phục vụ trong quân đội được nhận giấy khen về thành tích và được Ủy ban nhân dân quận Z2, Thành phố Hồ Chí Minh tặng Giấy khen vì đạt thành tích xuất sắc trong phong trào bảo vệ quần chúng, bảo vệ an ninh tổ quốc.

Bị cáo H1 lần đầu phạm tội, không có tiền án, tiền sự, có 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đủ điều kiện áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt liên kế quy định tại khoản 3 Điều 174 và khoản 2 Điều 341 của Bộ Luật Hình sự để bị cáo sớm có điều kiện, cơ hội sửa chữa lỗi lầm, làm lại cuộc đời và có điều kiện về báo hiếu cha mẹ già.

Về trách nhiệm Dân sự, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Nội dung bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo D được công bố tại phiên tòa như sau:

Người bào chữa thống nhất nội dung truy tố về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Riêng hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” chưa đủ cơ sở vững chắc để truy tố bị cáo D bởi vì chỉ có lời nhận tội của bị cáo D về việc làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức mà không thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh mối liên hệ, phương thức giao dịch, thực hiện hành vi giữa bị cáo D và người được thuê làm giả.

Bị cáo D luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con còn nhỏ (sinh năm 2019), có mẹ già yếu là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không bổ sung ý kiến của người bào chữa.

Bị hại L1 không có ý kiến.

Bị hại B phát biểu: Bị cáo H1 không ăn năn hối cải. Bị hại đã nói rất tha thiết với bị cáo H1 là bị hại không còn ai lo cho mình, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt đúng người, đúng tội và yêu cầu người nhà của các bị cáo bồi thường cho bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến.

Kiểm sát viên có ý kiến đối đáp đối với quan điểm của những người bào chữa: Bị cáo D đã liên hệ đối tượng Toàn làm giả giấy tờ tài liệu, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H1 giúp sức cho bị cáo D gây thiệt hại rất lớn, góp phần làm mất các xe là nguồn sống của các bị hại và làm họ mất thu nhập.

Người bào chữa cho bị cáo H1 không tranh luận.

Bị cáo H1 bổ sung ý kiến: Thuê xe của ông L1 xong bị cáo thuê của ông B rồi đưa cho bị cáo D nhưng sau đó bị cáo mất liên lạc với ông B nên không biết làm thế nào để báo cho ông B về việc có thể bị mất xe.

Ông B tranh luận: Bị cáo H1 đi đến chỗ ở của tôi nên có thể đến công an địa phương đó để khai báo. Bị cáo H1 đã từng bắt cướp, đi bộ đội, học chính trị thì phải biết pháp luật.

Bị cáo D nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo H1 nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hình phạt nhẹ để bị cáo sớm về gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét xử vắng mặt người bào chữa cho bị cáo D là ông NVH vì sự vắng mặt của ông H không ảnh hưởng đến việc xét xử do bị cáo D đồng ý xét xử không cần có mặt ông H (ông H có bài bào chữa cho bị cáo D và có đơn xin xử vắng mặt).

[3] Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông NVH2 vì sự vắng mặt của ông không ảnh hưởng đến việc xét xử và ông đã có lời khai trong hồ sơ vụ án.

[4] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với các bị cáo. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng thu được và phù hợp với các chứng cứ có trong

hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2021, các bị cáo VQD và NXH1 đã đưa các giấy tờ, tài liệu giả mang tên Nguyễn Trung Hiếu và Tống Ngọc Huy Hoàng để ký hợp đồng thuê của bị hại NPL1 01 xe ô tô (biển số ABC1 trị giá 218.300.000 (hai trăm mười tám triệu, ba trăm nghìn) đồng) và thuê của bị hại NDB 01 xe ô tô (biển số GHI1 trị giá 671.667.000 (sáu trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng rồi chiếm đoạt, cầm xe cho những người tên là Vũ Văn Đoàn và Nguyễn Trần Quốc Cường để lấy tiền tiêu xài. Bị cáo D sử dụng điện thoại di động của mình để chụp ảnh chân dung của bị cáo H1, gửi cho đối tượng tên là Toàn hình ảnh của bị cáo H1 và 01 (một) hợp đồng lao động trong đó có hình dấu của Công ty Đại Minh Quang, thuê đối tượng tên là Toàn làm giả các tài liệu và con dấu (bao gồm 01 (một) giấy phép lái xe, 01 (một) chứng minh nhân dân, 01 (một) sổ hộ khẩu, 01 (một) con dấu của Công ty Đại Minh Quang, 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) giấy phép lái xe, 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên Tống Ngọc Huy Hoàng (tổng cộng là 06 (sáu) tài liệu và 01 (một) con dấu giả)).

[5] Các bị cáo D và H1 dùng thủ đoạn gian dối, dùng giấy tờ giả như nêu trên để chiếm đoạt của 02 bị hại tổng cộng 02 xe ô tô với tổng trị giá 889.967.000 (tám trăm tám mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương căn cứ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) truy tố các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Các bị cáo D và H1 chủ động, trực tiếp yêu cầu, cung cấp thông tin, cung cấp ảnh của bị cáo H1 để thuê người khác làm giả tài liệu, con dấu rồi sử dụng các tài liệu, con dấu giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại là đã tham gia vào quá trình tạo ra các tài liệu, con dấu giả (làm giả tài liệu, con dấu) của cơ quan, tổ chức. Hành vi của các bị cáo D và H1 sử dụng giấy tờ giả đã được xác định là thủ đoạn để thực hiện hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định các bị cáo D và H1 phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Các bị cáo D và H1 làm giả 06 (sáu) tài liệu và 01 (một) con dấu nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa chính xác. Hội đồng xét xử xác định bị cáo phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Thực tế, các bị cáo và các bị hại đều khai thống nhất là các bị cáo đã đưa ra những tài liệu, con dấu giả có hình ảnh bị cáo H1, có thông tin như các bị cáo muốn thể hiện nên không cần thu thập tài liệu giả, con dấu giả, mẫu để giám định cũng đủ cơ sở kết luận về hành vi phạm tội làm tài liệu, con dấu giả của các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo D.

[8] Các bị cáo D và H1 đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy

định của pháp luật, thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm đến tài sản của các bị hại, gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý xã hội của cơ quan Nhà nước, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nên phải bị nghiêm trị để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo D và H1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo H1 có nhân thân tốt, có gia đình có công với đất nước, bản thân có thành tích được khen thưởng nên có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo H1 đã tác động gia đình khắc phục hậu quả 18.000.000 (mười tám triệu) đồng (Biên lai số KLM1 ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương do ông NVT2 nộp thay) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[10] Bị cáo H1 thành khẩn khai báo, cùng với bị hại L1 tìm bị cáo D là các hành vi không đến mức tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do thực hiện các hành vi này, bị cáo H1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như nêu trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho bị cáo H1 về áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo H1.

[11] Tình tiết bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có mẹ già và con nhỏ không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật.

[12] Ngày 30 tháng 9 năm 2015, bị cáo D bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) W1 tỉnh Bình Dương tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, khi bị khởi tố vì thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xác định bị cáo D có tiền án. Hội đồng xét xử xác định bị cáo có nhân thân (ngày 15 tháng 6 năm 2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Z1, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 01 năm 08 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”) vì bị cáo bị kết án sau khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[13] Bị cáo D và H1 thực hiện các hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo D phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo D có nhân thân xấu.

[14] Các bị cáo D và H1 phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo D là người khởi xướng và chủ động thực hiện các hành vi phạm tội. Bị cáo H1 đồng phạm, giúp sức cho bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội.

[15] Bị cáo H1 phạm tội với tính chất đồng phạm tích cực, tinh vi, xảo quyệt, chiếm đoạt xe là tài sản quan trọng, ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của các bị hại, gây bức xúc rất lớn cho các bị hại nên Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo H1 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của người bào chữa.

[16] Cân nhắc tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và hoàn cảnh của các bị cáo, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn.

[17] 02 xe ô tô biển số ABC1 và GHI1, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương đã ban hành các quyết định truy tìm vật chứng số 12 và 13 ngày 20 tháng 3 năm 2023 nhưng đến nay chưa tìm được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương cần tiếp tục truy tìm theo quy định của pháp luật.

[18] Các bị cáo VQD và NXH1 chiếm đoạt xe của các bị hại đem cầm làm các bị hại không thể thu hồi tài sản nên các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại NPL1 giá trị xe ô tô (hiệu Kia K3 biển số ABC1) là 218.300.000 (hai trăm mười tám triệu, ba trăm nghìn) đồng và bị hại NĐB giá trị xe ô tô (hiệu Kia Seltos biển số GHI1) là 671.667.000 (sáu trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng theo yêu cầu của các bị hại, sự đồng ý bồi thường của các bị cáo tại phiên tòa và phù hợp quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điều 13, 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[19] Tại phiên tòa bị hại L1 yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền thuê xe 12 tháng (với giá 06 (sáu) triệu đồng 01 tháng, tổng cộng là 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng), các bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[20] Ông T2 không yêu cầu bị cáo H1 trả lại 18.000.000 (mười tám triệu) đồng đã nộp thay bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[21] Các giấy tờ, tài liệu các bị cáo D và H1 đặt làm giả và các giấy tờ các bị cáo dùng để giao dịch với các bị hại do cơ quan điều tra thu giữ là chứng cứ được lưu giữ trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

[22] Người làm giả giấy tờ cho các bị cáo D và H1 không rõ nhân thân và lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương cần tiếp tục xác minh theo quy định của pháp luật.

[23] Ông ĐTC cùng đi với bị cáo H1 đến gặp bị hại L1 để thuê xe ABC1, điều khiển xe chở bị cáo H1 về nhà nhưng ông C không biết về việc các bị cáo D và H1 dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại, không được các bị cáo chia tiền sau khi tiêu thụ tài sản chiếm đoạt được nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề nghị xử lý là đúng.

[24] Ông NVH2 đã chuyển 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho bị cáo D để đặt cọc cầm xe ô tô GHI1 nhưng ông H2 không biết xe ô tô là tài sản do các bị cáo D và H1 chiếm đoạt từ bị hại B. Khi biết bị cáo D thuê xe của bị hại B rồi cầm thì ông H2 từ chối tiếp tục giao tiền cho bị cáo D để cầm xe. Vì vậy, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định hành vi của ông H2 chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là đúng pháp luật.

[25] Các đối tượng Vũ Văn Đoàn và Nguyễn Trần Quốc Cường không còn ở địa phương nơi đăng ký thường trú, tạm trú, hiện không rõ đang ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương đã ban hành các quyết định truy tìm. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương cần tiếp tục truy tìm để xử lý các đối tượng theo quy định của pháp luật

[26] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo và việc giải quyết vụ án có phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Quan điểm của những người bào chữa về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo có phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[27] Các bị cáo bị kết án, có trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; Điều 268; khoản 1 Điều 269; các khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố các bị cáo VQD và NXH1 phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo VQD 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 02 (hai) tội là 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 4 năm 2023.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều

58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo NXH1 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 02 (hai) tội là 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 9 năm 2022.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 13, 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo VQD và NXH1 liên đới bồi thường cho bị hại NPL1 giá trị xe ô tô (hiệu Kia K3 biển số ABC1) là 218.300.000 (hai trăm mười tám triệu, ba trăm nghìn) đồng và bị hại NDB giá trị xe ô tô (hiệu Kia Seltos biển số GHI1) là 671.667.000 (sáu trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Ghi nhận các bị cáo VQD và NXH1 đồng ý liên đới bồi thường cho ông NPL1 tiền thuê xe 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự với lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tạm giữ 18.000.000 (mười tám triệu) đồng của bị cáo NXH1 do ông NVT2 nộp thay (Biên lai số: KLM1 ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương) để đảm bảo thi hành án.

Ghi nhận ông NVT2 không yêu cầu bị cáo NXH1 trả 18.000.000 (mười tám triệu) đồng đã nộp thay bị cáo.

Bị cáo VQD và bị cáo NXH1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo VQD và NXH1 phải liên đới chịu 40.859.010 (bốn mươi triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, không trăm mười) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ



liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án (2);
- Người bào chữa (2);
- Bị hại (2);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (2);
- Bị cáo (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án. THMĐ. (26).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đặng An Thanh**